

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/DS-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2024/TLST-DS ngày 19/4/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-DS ngày 16/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1968; HKTT: Số A tổ B, Lê Hồng P, khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn D, D, Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/3/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị Kim C, sinh năm 1975; HKTT: Số C, tổ B, Lê Hồng P, khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.2. Bà Đặng Thị Kim P1, sinh năm 1978; HKTT: Số C, tổ B, Lê Hồng P, khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.3. Ông Đặng Hoàng T1, sinh năm 1981; HKTT: Số C, hẻm A, Nguyễn

Thị Minh K, khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.4. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1988; HKTT: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đặng Thị L1, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Bà Đặng Thị Kim H1, sinh năm 1965; HKTT: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3.3. Bà Đặng Thị Ngọc H2, sinh năm 1959; HKTT: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn bà C, bà P1, bà H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn là ông L trình bày:***

Ông T và bà Đ, bà C, ông T1, bà P1, bà H có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/4/2020, các bên có lập giấy bán đất, bán vườn cao su với thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T phần đất 2.500 m² tọa lạc tại khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc thửa đất 76 tờ bản đồ 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04309 QSDĐ/QĐ-UB ngày 25/3/2004 do UBND huyện D cấp cho hộ bà Lê Thị Đ. Giá chuyển nhượng là 700.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2020, ông T đã đặt cọc cho bà Đ, bà C, ông T1, bà P1, bà H 100.000.000 đồng, ngày 30/11/2020, ông T thanh toán thêm 100.000.000 đồng. Tổng số tiền đã đặt cọc là 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại sẽ thanh toán khi công chứng.

Ngày 12/6/2022, bà Đ chết nên ông T có yêu cầu bà C, ông T1, bà P1, bà H làm thủ tục sang tên nhưng không thành. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy bán đất vườn cây cao su ký kết ngày 27/4/2020 giữa ông T và bà Đ, bà C, ông T1, bà P1, bà H. Yêu cầu bà C, ông T1, bà P1, bà H thanh toán 200.000.000 đồng và 200.000.000 đồng phạt cọc.

Quá trình tố tụng, ông T khởi kiện bổ sung yêu cầu tất cả những người con là Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Hoàng T1, Đặng Thị Thu H và Đặng Thị L1 liên đới thanh toán 200.000.000 đồng và 200.000.000 đồng phạt cọc. Tại phiên tòa, ông T rút yêu cầu phạt cọc.

- *Chứng cứ nguyên đơn cung cấp:* Đơn khởi kiện; đơn khởi kiện bổ sung;

bản tự khai, giấy bán đất bán vườn cao su ngày 27/4/2020, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04309 QSDĐ/QĐ-UB ngày 25/3/2004 do UBND huyện D cấp cho hộ bà Lê Thị Đ.

*** Tại bản tự khai ngày 16/9/20204, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà C, bà H, bà P1 cùng thống nhất trình bày:**

Bị đơn bà C, bà H, bà P1 thừa nhận bà Đ có chuyển nhượng cho ông T phần đất ngang 25m, dài 100m và đã nhận 200.000.000 đồng. Các ông bà đồng ý tiếp tục chuyển nhượng cho ông T. Nếu ông T không lấy đất thì các bà C, bà H, bà P1 đồng ý liên đới cùng anh em trong nhà thanh toán 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của bà Đ để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 1196 tờ bản đồ 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/20204, quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L1 trình bày:** Chồng bà Đ tên Đặng Văn Đ1 (chết 2019). Bà Đ và ông Đ1 có 07 người con là Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Hoàng T1, Đặng Thị Thu H và Đặng Thị L1. Ngoài ra không còn ai khác. Khi bán đất ngày 30/11/2020, bà L1 có biết nhưng lúc đó bà L1 ở bên nước ngoài nên không về ký tên. Các anh chị em khác không ký tên cũng đều biết việc bán đất trên. Nay, bà L1 đồng ý bán đất hoặc tất cả các anh em cùng trả tiền 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của mẹ bà L1 là bà Đ.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/20204, quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H2 trình bày:** Bà Đ và ông Đ1 có 07 người con là Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Hoàng T1, Đặng Thị Thu H và Đặng Thị L1. Bà H2 có biết sự việc bán đất giữa gia đình và ông T. Ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà H2 đồng ý bán đất hoặc tất cả các anh em cùng trả tiền 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của mẹ là bà Đ để lại.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/20204, quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H1 trình bày:** Bà Đ và ông Đ1 có 07 người con là Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Hoàng T1, Đặng Thị Thu H và Đặng Thị L1. Bà H2 có biết sự việc bán đất giữa gia đình và ông T. Nay, bà H1 đồng ý cùng các anh em trả tiền 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của mẹ là bà Đ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hoàng T1 (vắng mặt không có lý do.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông T2) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã

thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn, bị đơn bà C, bà P1, bà H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đề nghị căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Về nội dung vụ án: Tại thời điểm đặt cọc, đất cấp cho hộ bà Lê Thị Đ chưa được phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản mà chồng bà Đ là ông Đặng Văn Đ1 để lại. Do đó, hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2020 bị vô hiệu theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc những người thừa kế của bà Đ thanh toán 200.000.000 đồng cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy bán đất vườn cây cao su ký kết ngày 27/4/2020 giữa ông T và bà Đ, bà C, ông T1, bà P1, bà H. Yêu cầu bà C, ông T1, bà P1, bà H thanh toán 200.000.000 đồng. Xét thấy, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện D, đối tượng tranh chấp có liên quan đến bất động sản là quyền sử dụng đất tọa lạc tại huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Các đương sự không thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T:*

[3.1] Căn cứ ông T khởi kiện: Ông T và bà Đ, bà C, ông T1, bà P1, bà H có lập giấy bán đất, bán vườn cao su với thỏa thuận chuyển nhượng cho ông T phần đất 2.500 m² tọa lạc tại khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương với giá 700.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán 200.000.000 đồng. Ngày 12/6/2022, bà Đ chết nên ông T có yêu cầu các con bà Đ làm thủ tục sang tên nhưng không thành nên ông T khởi kiện yêu cầu người thừa kế của bà Đ thanh toán tiền cọc 200.000.000 đồng.

[3.2] *Xét yêu cầu hủy hợp đồng:* Qua tranh tụng công khai, xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp và Tòa án thu thập được thấy rằng:

[3.2.1] Theo Công văn số 189 ngày 08/4/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thể hiện tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04309 QSDĐ/QĐ-UB ngày 25/3/2004 cấp cho hộ (ông, bà) Lê Thị Đ gồm các thành viên: Bà Lê Thị Đ, Đặng Thị Kim P1, Đặng Hoàng T1, Đặng Thị Thu H và Đặng Thị L1. Chồng bà Đ là ông tên Đặng Văn Đ1 (chết 2019). Tài sản của hộ bà Đ có liên quan đến công sức đóng góp của ông Đ1. Tại phiên tòa, bà H, bà C, bà P2 cũng thừa nhận tài sản trên có công sức khai phá của cha mẹ. Như vậy, thời điểm đặt cọc, đất cấp cho hộ bà Lê Thị Đ chưa được phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản mà chồng bà Đ là ông Đặng Văn Đ1 để lại. Do đó, hợp đồng đặt cọc ngày 27/4/2020 bị vô hiệu theo quy định tại Điều 123, 131 Bộ luật dân sự.

[3.3] *Xét yêu cầu đòi lại tiền cọc:* Nguyên đơn ông T yêu cầu tất cả những người thừa kế của bà Đ trả lại tiền cọc. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị L1 đồng ý thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của bà Đ để lại là thửa đất 1196 tờ bản đồ 14, tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ (*trước đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04309 QSDĐ/QĐ-UB ngày 25/3/2004 cấp cho hộ ông, bà Lê Thị Đ*) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với bị đơn Đặng Hoàng T1. Quá trình thực hiện tổ tụng giải quyết vụ án, ông T1 được Tòa án triệu tập, tổng đạt trực tiếp và niêm yết hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do ông T1 là con của bà Đ, được hưởng tài sản từ bà Đ để lại, đồng thời có ký và hợp đồng đặt cọc mua bán đất, bán vườn cao su ngày 27/4/2020 nên ông T1 có trách nhiệm cùng bà Đặng Thị Kim C, Đặng Thị Kim P1, Đặng Thị Thu H, Đặng Thị Ngọc H2, Đặng Thị Kim H1, Đặng Thị L1 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho ông T trong phạm vi tài sản của bà Đ để lại, cụ thể là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ.

[5] Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu đối với phạt cọc 200.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ cho gia đình bị đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, ý kiến về nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu hủy hợp đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 123, 127, 131, 328 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 5, 26, 166, 168, 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” của ông Mai Xuân T đối với bị đơn bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Ngọc H2, bà Đặng Thị Kim H1, bà Đặng Thị L1.

1.1. Tuyên bố hợp đồng dân sự đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo “giấy bán đất vườn cây cao su” ký kết ngày 27/4/2020 giữa ông Mai Xuân T và bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Hoàng T1 là vô hiệu.

1.2. Bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Hoàng T1, bà Đặng Thị Ngọc H2, bà Đặng Thị Kim H1, bà Đặng Thị L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Mai Xuân T số tiền là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) trong phạm vi tài sản của Lê Thị Đ để lại là thửa đất 1196 tờ bản đồ 14, tọa lạc tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Mai Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Hoàng T1, bà Đặng Thị Ngọc H2, bà Đặng Thị Kim H1, bà Đặng Thị L1 không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà C, bà P1, bà H, ông T1, bà H2, bà H1, bà L1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân T về việc yêu cầu bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Hoàng T1, bà Đặng Thị Ngọc H2, bà Đặng Thị Kim H1, bà Đặng Thị L1 thanh toán 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) tiền phạt cọc.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Xuân T về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11698 ngày 01/8/2022 do sở tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp cho bà Lê Thị Đ cho bà Đặng Thị Kim C, bà Đặng Thị Kim P1, bà Đặng Thị Thu H, ông Đặng Hoàng T1, bà Đặng Thị Ngọc H2, bà Đặng Thị Kim H1, bà Đặng Thị L1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Xuân T tự nguyện chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Sau khi khấu trừ 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004982 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, hoàn trả cho ông T 4.700.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm ngàn đồng*).

4. Quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án.

4.1. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

4.2. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam